TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 / 9 / 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Ông Ngô Văn Mừng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 486/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp M, thị trấn H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà T và ông Võ Văn C kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 04/5/2013. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Võ Văn Tuấn T, sinh ngày 26/8/2011

đang được ông C chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Sau thời gian khoảng 03 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn sống chung 05 năm nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C; bà T đồng ý để ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, bà T không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2013, ngày 04/5/2013, bản sao giấy khai sinh của Võ Văn Tuấn T, sinh ngày 26/8/2011 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chợ Mới cấp.

Bị đơn ông Võ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Bà T trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông C chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông C hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, từ khi bà T gửi đơn khởi kiện, ông C biết nhưng không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu T cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn C. Đồng thời, ông C cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Văn C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T xác định, trong quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông C không quan tâm, chăm lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cho nên, bà T yêu cầu được ly hôn với ông C.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà T và ông C không còn sống chung cách nay khoảng 05 năm. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông C nhưng ông C không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông C là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Võ Văn Tuấn T, sinh ngày 26/8/2011. Bà T chấp nhận giao cháu T cho ông C chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu T đang được ông C chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định; bà T đồng ý để cháu T cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, khi Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến thì cháu T có nguyện vọng được sống với ông C trong trường hợp bà T, ông C ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu T, giúp cháu T phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu T cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông C không gửi ý kiến cho Tòa án về việc yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Võ Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2013, ngày 04/5/2013 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Văn C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Võ Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Văn Tuấn T, sinh ngày 26/8/2011. Bà Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Võ Văn C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Bích T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013108 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2019; bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Văn C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Bích T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Võ Văn C được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã H (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình